

Bản án số: 06 /2018/HS-ST

Ngày: 29/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn H.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Giang N;

Ông Phạm Quang L.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng T, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ tham gia phiên tòa: Ông Rô Đăm Q - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh ngày: 06/12/1994 tại xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện B, Quảng Ngãi; nghề nghiệp: nông; trình độ văn hóa (học vấn): 04/12, dân tộc: Hre; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn I, sinh năm 1942 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1957; Vợ: Phạm Thị N1, sinh năm 1989; Con: Phạm Thị L, sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/8/2017 đến nay. Bị cáo Phạm Văn T có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Xuân P, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, là người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T, theo Quyết định số 129/QĐ-TGPL ngày 25/10/2017 của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi.

Người bị hại: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1954 (đã chết).

Đại diện hợp pháp cho bị hại:

- Bà Phạm Thị L, sinh năm 1962 (vợ của bị hại); (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Phạm Thị D, sinh năm 1979 (con đẻ của bị hại);

Nơi cư trú: Xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Chị Phạm Thị D1, sinh năm 1980 (con đẻ bị hại);

Nơi cư trú: Xã V, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Chị Phạm Thị H, sinh năm 1986 (con đẻ của bị hại);

Nơi cư trú: Thôn N, xã Ba T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Anh Phạm Văn H1, sinh năm 1994 (con đẻ của bị hại);

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà L, chị D, chị D1 và anh H1 đều ủy quyền cho chị Phạm Thị H, tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 17/10/2017. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Hà Văn H – Luật sư, Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi. Là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho: chị Phạm Thị H theo Quyết định về việc cử luật sư cộng tác viên tham gia tố tụng số 130/QĐ-TGPL ngày 25/10/2017 của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt)

Người phiên dịch: Ông Phạm Văn X, Phòng Văn hóa thông tin huyện Ba Tơ (*phiên dịch tiếng Hre cho bị cáo và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa*). (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 21/08/2017, Phạm Văn T điều khiển xe mô tô chở Phạm Văn H ở cùng thôn N, xã T, huyện B đến nhà anh Phạm Văn S, ở thôn M, xã X, huyện B chơi và uống rượu. Sau đó, H rủ T đi qua nhà Phạm Thị D (là chị ruột của H), ở thôn Cành, xã V, huyện B. Tại đây, T và H tiếp tục uống rượu cùng với anh rể của H là Phạm Văn N, uống được một lúc thì Phạm Văn H say nên đi ngủ trước. Uống rượu xong, Phạm Văn T vào gọi H dậy để đi về nhà nhưng H không dậy nên T điều khiển xe mô tô đi về trước. Khi về đến nhà T tắm rửa, nghỉ một lúc rồi đi mua ống nhựa để gắn mô tơ bơm nước, khi ra đến đường đi trong thôn thì T gặp Phạm Văn S và Phạm Văn Đ ở cùng thôn rủ T đi đánh bida ở quán Thiên Vũ thuộc thôn M, xã T. H bực tức T đi về nhà trước mà không chờ mình về nên khi thấy T đang đánh bida thì H đi vào hỏi “Sao không chờ tao về mà về trước?”, đồng thời, dùng tay đẩy vào mặt của T một cái, T thấy đau nên cầm cây cơ bida đánh vào đầu của Phạm Văn H một cái làm đầu H chảy máu. Thấy vậy, T xin lỗi rồi nói với H vào xã Ba Vì mua thuốc để T trả tiền. Sau đó, H điều khiển xe mô tô đi vào hướng xã Ba Vì trước, còn T điều khiển xe mô tô đi sau. Khi vào đến xã Ba Vì thì T không thấy H đâu nên T quay về nhà. Về đến nhà T gặp Phạm Văn T ở cùng thôn N,

huyện B rủ uống rượu. Khi uống gần hết 01 chai rượu thì T thấy H, chị D và anh N đi vào nhà T, H hỏi “Mày nói mua thuốc cho tao mà sao không mua nữa?”, hỏi xong nhưng không nghe T trả lời thì H tức giận nên đã nhặt dưới đất 01 hòn đá to cỡ cổ tay đánh vào cằm của T một cái làm T bị chảy máu. Đánh xong H nói “Mày đánh tao trước giờ tao đánh lại mày là huề”. T không nói gì, liền lấy 01 khúc củi keo khô (dùng để chum lửa) đánh trúng đầu của H 01 cái làm khúc củi keo bị gãy đôi. Thấy vậy, Chị Dung và anh Nganh vào can ngăn T, còn H bỏ đi về. Khi mọi người về hết, T lấy áo lau vết máu ở cằm rồi cầm theo 01 cái rựa đi qua tìm H để bắt H xin lỗi. Khi đến nơi thì T không thấy H ở nhà mà chỉ thấy cha, mẹ H là ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị L đang ngồi trong phòng khách. T đứng ngoài hỏi “H đi đâu rồi?” thì nghe ông Đ nói “H đi đâu rồi không có ở nhà”; “Muốn đánh con tao sao”. Nghe vậy, T không tin nên đã đi thẳng vào phòng ngủ của nhà ông Đ để tìm H. Khi T vừa bước qua cửa thông nhau giữa phòng khách và phòng ngủ (không có cánh cửa, trên tường phía Đông Bắc tại vị trí cửa thông nhau giữa phòng khách và phòng ngủ có một thanh cửa làm bằng xi măng được quét vôi màu xanh trắng lồi ra mặt tường dày 6cm, cao 1,75m, mặt thiết diện rộng của thanh cửa là 8,3cm) thì bị ông Đ đứng phía sau dùng tay phải nắm vào đầu tóc T và kéo ngược về sau làm T bị đau và bức tức. Lúc này, do đang cầm rựa bên tay phải nên T chuyển cái rựa sang tay trái (phần lưỡi rựa hướng ra phía trước còn phần cán rựa hướng ra phía sau T) rồi đưa tay phải ra sau nắm vào áo phía bên vai phải của ông Đ kéo mạnh về phía trước bên phải của T. Đồng thời, theo quán tính tay trái của Phạm Văn T giật mạnh phần đuôi cán rựa về phía sau trúng vùng mạn sườn trái của ông Đ. Khi bị T kéo (quật) thì người ông Đ lao về phía trước bên phải T, đầu ông Đ va vào thanh cửa trên vách tường Đông Bắc giữa phòng ngủ và phòng khách. Lúc này, ông Đ có dùng tay giữ lấy vai của T nhưng do T không mặc áo nên ông Đ bị tuột tay không giữ được nên ngã chúi đầu xuống nền nhà sát vách tường, với tư thế ngã nằm nghiêng bên phải, phần đầu sau gáy ông Đ sát vách tường, mặt hướng về phía T, hai tay ông Đ nắm lấy chân phải của Phạm Văn T. Thấy vậy, T liền giật mạnh chân phải của mình lên để tay ông Đ buông ra rồi T đá hai cái vào vùng mặt và đầu của ông Đ, làm đầu ông Đ va vào tường Đông Bắc, đánh xong thì T bỏ đi về nhà.

Sau khi bị T đánh thì ông Đ nằm im dưới nền nhà và được bà Phạm Thị L dìu đứng dậy đi ngủ. Ngủ được một lúc thì ông Đ đi ra hè nằm, rồi đi vệ sinh (tiểu tiện) nhưng không tự đi được nên gọi bà L ra dìu ông Đ ra phía trước nhà. Sau đó, bà L dìu ông Đ đi vào nhà thì ông Đ mệt quá đi không nổi nên nằm úp mặt xuống nền gạch trước hè nhà ngủ, thân người ông Đ nằm trên hè nhưng chân ông Đ còn để dưới hè (bậc tam cấp). Bà L kéo mạnh ông Đ vào nhà thì làm mặt trước cẳng chân trái ông Đ va vào cạnh hè bị bầm tụ máu. Đến sáng ngày 22/8/2017, ông Đ có biểu hiện nôn ói, đại tiện trong quần và chỉ nằm một chỗ nên bà L không chở ông Đ đi bệnh viện được. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Phạm Văn T đến nhà ông Đ và thấy ông Đ nằm dưới nền nhà, lỗ mũi chảy dịch màu trắng nên T lấy khăn lau, đồng thời nói với bà L ôm ông Đ để T chở đi bệnh viện cấp cứu nhưng bà L nói “không biết ngồi sau giữ ông

Đ” và nói “không có tiền đưa ông Đ đi bệnh viện”, T nói “tôi có tiền” thì bà Lý trả lời “Ông gần chết rồi mà đi gì nữa”, nghe vậy T mới đi về nhà, sau đó bà Phạm Thị L phát hiện ông Phạm Văn Đ tử vong.

Căn cứ Biên bản thực nghiệm điều tra vào ngày 13/12/2017, Phạm Văn T diễn lại các hành động, cách thức thực hiện hành vi phạm tội đã gây thương tích cho ông Đ dẫn đến tử vong.

Căn cứ Kết quả giám định số 866/KLGĐ-PC54, ngày 25/8/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh kết luận: Vết bầm tụ máu ở vùng đỉnh đầu bên phải là do vật tày thiết diện rộng tác động một lực mạnh theo hướng từ phải qua trái tạo nên; Vết rách da ở vùng đỉnh đầu là do vật tương đối sắc tác động một lực tương đối mạnh theo hướng từ trên xuống dưới tạo nên; Vết bầm tụ máu ở vùng mạn sườn trái là do vật tày tương đối tròn, bề mặt nhám có đường kính khoảng 2,5cm tác động một lực mạnh từ trên xuống dưới, từ trái qua phải tạo nên; Vết bầm tụ máu ở vùng trán và mặt trước cẳng chân trái là do vật tày thiết diện tương đối nhỏ tác động một lực tương đối mạnh theo hướng từ trước ra sau tạo nên; Vết rạn nứt xương hộp sọ nằm ngang dài 17cm, rộng hở 0,1cm kéo dài từ vùng đỉnh đầu đến vùng thái dương trái là do vật tày thiết diện rộng tác động một lực mạnh vào vùng đỉnh đầu tạo nên. Nguyên nhân ông Phạm Văn Đ tử vong là do bị chấn thương sọ não kín, rạn nứt xương hộp sọ, xuất huyết não dẫn đến chết.

Như vậy, dấu vết thương tích để lại trên người ông Phạm Văn Đ hoàn toàn phù hợp với cơ chế hình thành dấu vết do Phạm Văn T gây ra. Mặt khác, cơ chế hình thành dấu vết thương tích và cơ chế tử vong của ông Đ cũng phù hợp với diễn biến của vụ việc, lời khai của bị can và người làm chứng Phạm Thị L.

Tại cáo trạng số 01/QĐ-VKS ngày 16 tháng 01 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ đã truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “*Cố ý gây thương tích*”; Theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự (viết tắt BLHS). Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên nội dung truy tố như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét (viết tắt HĐXX) xử áp dụng:

Khoản 3 Điều 104, điểm b, p khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T với mức án **từ 6 năm đến 7 năm tù.**

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 584, 585, 586 và Điều 591 Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Phạm Văn T tiếp tục bồi thường cho bị hại (có chị Phạm Thị H đại diện) số tiền: 106.920.000 đồng.

- Về tang vật: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu, tiêu hủy: 01 cái rựa dài 71 cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 28 cm, phần cán bằng gỗ dài 43 cm.

Ý kiến của ông Nguyễn Xuân P, Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T, đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh như cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 3 Điều 104;

điểm b, p khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 33; xử phạt bị cáo Phạm Văn T với mức án từ 5 năm đến 6 năm tù.

Ý kiến của ông Hà Văn H, Luật sư, Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Phạm Thị H, trình bày: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu đại diện hợp pháp của bị hại với số tiền 130.000.000 đồng, đã đưa trước 23.080.000 đồng, còn lại buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 106.920.000 đồng. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi áp dụng hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T khai nhận hành vi phạm tội như đã khai tại cơ quan điều tra, xin lỗi gia đình bị hại và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt; bị cáo chấp nhận yêu cầu bồi thường số tiền 130.000.000 đồng cho gia đình bị hại.

Người đại diện hợp pháp cho bị hại: Chị Phạm Thị H đề nghị HĐXX xem xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật và yêu cầu bị cáo bồi thường cho bị hại với số tiền 130.000.000 đồng, bị cáo đã đưa trước 23.080.000 đồng, còn phải tiếp tục bồi thường 106.920.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Phạm Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Ngày 21/8/2017, tại thôn N, xã T, huyện B do có mâu thuẫn với Phạm Văn H dẫn đến hai bên đánh nhau nên bị cáo T đến nhà tìm H để yêu cầu H xin lỗi. Khi đến nhà H thì gặp cha mẹ H là ông Đ và bà L, bị cáo đi thẳng vào phòng ngủ để tìm H; Khi bị cáo vừa bước qua cửa thông nhau giữa phòng khách và phòng ngủ thì bị ông Đ đứng phía sau dùng tay phải nắm vào đầu tóc và kéo ngược về sau làm bị cáo T bị đau và bức tức, nên T dùng tay phải đưa ra sau nắm trúng vai áo của Phạm Văn Đ kéo mạnh về phía trước làm ông Đ lao người về phía trước bên phải của T, đầu ông Đ va vào thanh cửa trên vách tường Đông Bắc giữa phòng khách và phòng ngủ rồi ngã chúi đầu xuống nền nhà, hai tay ông Đ nắm lấy chân phải của T, thấy vậy T giật chân ra rồi đá hai cái vào vùng mặt và đầu của ông Đ; Hậu quả ông Đ chết do bị chấn thương sọ não

kín, rạn nứt xương hộp sọ, xuất huyết não. Hành vi của bị cáo Phạm Văn T đã phạm tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 3, Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có
- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo khắc phục cho gia đình bị hại được 23.080.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của bị cáo đã thể hiện tính ăn năn, hối cải. Bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Bị cáo thuộc hộ nghèo, con bị cáo còn nhỏ và là lao động chính trong gia đình. Do đó cần áp dụng những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1, **khoản 2**, Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo.

- Xét nhân thân: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[4] Bị cáo Phạm Văn T có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi xâm phạm trực tiếp đến tính mạng của ông Phạm Văn Đ. Vì vậy, cần cách ly bị cáo ra ngoài cộng đồng xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo khắc phục một phần hậu quả; Do đó sẽ xem xét toàn diện khi áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên, thực hành quyền công tố tại phiên tòa: về mức hình phạt và về trách nhiệm dân sự cơ bản phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về dân sự: Cần buộc bị cáo Phạm Văn T tiếp tục bồi thường cho bị hại (có chị Phạm Thị H đại diện) số tiền: 106.920.000 đồng.

[7] Về vật chứng: Căn cứ vào khoản 2, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu, cần tiêu hủy 01 cái rựa dài 71 cm là vật chứng trong vụ án.

[8] Về việc gây thương tích giữa bị cáo với Phạm Văn H, hai bên đều không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo có đơn xin miễn án phí với lý do là bị cáo thuộc hộ nghèo, áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên các bị cáo thuộc trường hợp được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T 6 năm (sáu năm) tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/8/2017.

- Về dân sự:

Căn cứ vào các Điều 584, 585, 586 và Điều 591 Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Phạm Văn T tiếp tục bồi thường cho bị hại (có chị Phạm Thị H đại diện) số tiền: 106.920.000 đồng (một trăm lẻ sáu triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi được thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015

- Về vật chứng vụ án:

Căn cứ vào khoản 2, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu, tiêu hủy một (01) cái rựa dài 71 cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 28 cm, phần cán bằng gỗ dài 43 cm, đường kính phần đuôi cán rựa 2,5 cm, trên mặt lưỡi rựa có khắc hình 03 ngôi sao, trên cán rựa có quấn nhiều vòng bằng dây thun màu Đ; Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Điều tra công an huyện Ba Tơ với Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ ngày 18/01/2018.

- Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Phạm Văn T được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo:

Bị cáo; người đại diện hợp pháp cho bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/3/2018), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THADS huyện Ba Tơ;
- Công an huyện Ba Tơ;
- Người bị kết án;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Huy